TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày: 01/8/2024
V/v: "Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Vũ Minh Trang

Các hội thẩm dân nhân: Ông Bùi Quang Hợi và bà Nguyễn Thị Liên

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Vân T - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hoà – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXX-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1958; có mặt

Trú tại: Khu X, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, Luật sư Công ty Luật TNHH H; có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1981 và anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1981; vắng mặt

Cùng trú tại: Khu X, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện theo ủy quyền của anh Đ: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1981; vắng mặt

Trú tại: Khu X, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Bà Ngô Thị T và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1981, trú tại: Khu X, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh có mối quan hệ quen biết xã hội. Ngày 09/4/2011, hai người có cùng nhau kí kết giấy biên nhận với nội dung chị D vay tiền của bà T, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 600.000.000 đồng
- Thời hạn vay: Từ 7-10 ngày
- Lãi suất: Chị D tự nguyện trả cho bà 37.000.000 đồng tiền lãi

Cùng ngày, bà T đã giao toàn bộ số tiền cho vợ chồng chị D bằng hình thức đưa tiền mặt. Khi thỏa thuận vay và khi giao tiền không có người làm chứng. Ngoài ra chị D cũng tự nguyện để lại cho bà T 01 giấy tờ xe ô tô BKS: 99A–0xxx mang tên chồng chị là anh Nguyễn Hữu Đ.

Ngày 18/4/2011, chị D đã T toán xong toàn bộ số tiền vay cho bà T. Sau đó hai người tiếp tục viết thêm vào giấy biên nhận vay tiền ngày 09/4/2011 với nội dung:

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 07 ngày, tính từ ngày 18/4/2011 hoặc bất cứ lúc nào bà T yêu cầu;

- Lãi suất: Không thỏa thuận.

Trên giấy vay tiền có nội dung *"Cháu Nguyễn Hữu Đ là người thừa kế trách nhiệm của D"*. Đây là nội dung do bà T tự viết vào và yêu cầu anh Đ cùng kí tên xác nhận. Tại phiên tòa, bà T xác nhận anh Đ có biết tới khoản vay này. Đến ngày thỏa thuận, chị D không trả được nợ, bà T đồng ý gia hạn thời gian trả nợ. Vào ngày 13/6/2011, hai người cùng nhau lập nội dung trên giấy biên nhận vay tiền cũ, theo đó bà T trả lại cho chị D giấy đăng kí xe ô tô và chị D tự nguyện để lại 01 GCNQSDĐ và 01 đăng kí xe máy mang tên chị D để làm tin. Hai người thống nhất thời hạn trả nợ là ngày 17/6/2011 hoặc 18/6/2011 chị D sẽ hoàn trả tiền cho bà T.

Ngày 19/7/2011, hai bên cùng nhau lập giấy biên nhận xác nhận số tiền nợ còn lại là 280.000.000 đồng (Do chị D đã trả được 20.000.000 đồng). Sau đó chị D không trả nợ cho bà T nữa mà đã nhiều lần xin bà cho kéo dài thời gian trả nợ, cụ thể:

- Ngày 22/8/2011 chị D hẹn tới ngày 03/9/2011 sẽ trả bà T 80.000.000 đồng. Sau đó chị có thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T như đã hứa, số tiền nợ còn lại là 200.000.000 đồng;

- Ngày 24/6/2012 chị D hẹn tới ngày 20/7/2012 sẽ trả bà T 20.000.000 đồng nhưng không thực hiện được;

- Ngày 17/7/2013 chị D hẹn tới tháng 10/2013 dương lịch sẽ trả bà T 2.000.000 đồng trừ dần vào tiền gốc.

Từ đó tới nay chị D đã nhiều lần trả cho bà T, mỗi lần trả tiền hai người đều thống nhất trả vào tiền gốc. Tại phiên tòa, bà T xác nhận tổng số tiền chị D đã trả lại cho bà là 45.800.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 154.200.000 đồng.

Đến thời hạn trả nợ, bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị D trả lại số tiền đã vay nhưng chị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Chị D đã trả cho bà T tiền nợ gốc trong một khoảng thời gian rất dài lên tới hơn 10 năm, nay bà không đồng ý gia hạn thời hạn trả nợ nữa. Xét thấy việc vay nợ từ trước tới nay đều do chị D trực tiếp đứng ra làm việc và trả nợ cho mình, bà đề nghị Toà án buộc chị D phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ tiền cho bà.

Về lãi suất: Xét thấy vợ chồng chị D, anh Đ còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, bà tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện:

- Về lãi suất: Đề nghị tính mức lãi suất 10%/năm, tức 0,83%/tháng

- Về khoảng thời gian tính lãi suất: Bà đề nghị chỉ tính lãi suất kể từ ngày 01/01/2017 cho tới thời điểm chị D T toán xong toàn bộ khoản nợ;

- Về số tiền lãi suất: Bà tự nguyện đề nghị Tòa án dùng số tiền nợ gốc ở thời điểm hiện tại, tức 154.200.000 đồng để tính lãi suất cho toàn bộ khoảng thời gian nói trên.

Cụ thể: Số tiền lãi trên nợ gốc 154.200.000 đồng mà chị D còn phải trả cho bà, từ ngày 01/01/2017 tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 91 tháng (07 năm, 07 tháng) x 10%/năm (Tức 0,83%/tháng) là **116.467.260 đồng**.

Tổng số tiền bà yêu cầu chị Nguyễn Thị D phải trả cho là **270.667.260 đồng.**

Về lộ trình trả nợ: Đề nghị trả làm 01 lần.

Về án phí: Đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của bà T: Không có ý kiến bổ sung gì.

Theo bản tự khai, các nội dung làm việc tại Toà án, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị xác nhận có sự việc vay tiền như bà T đã khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, chị D đồng ý. Chị xác nhận số tiền gốc mà vợ chồng chị còn nợ bà T là **154.200.000 đồng** và chị sẽ có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ gốc nêu trên.

- Về lãi suất: Chị xin được miễn toàn bộ phần lãi suất.

- Về lộ trình trả nợ: Chị đề nghị được trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho tới khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, xét xử của Toà án và uỷ quyền toàn bộ cho vợ là chị Nguyễn Thị D thay mặt mình tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu quan điểm tại phiên toà:

- Về tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T số tiền gốc là **154.200.000 đồng**;

- Về lãi suất: Buộc chị D, anh Đồng phải trả cho bà T tiền lãi suất trên số nợ gốc 154.200.000 đồng, thời gian từ ngày 01/01/2017 tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 91 tháng (07 năm, 07 tháng) x 10%/năm (Tức 0,83%/tháng) là **116.467.260 đồng**.

Tổng số tiền chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Hữu Đ phải trả cho bà Ngô Thị T là **270.667.260 đồng**.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà:

[1] Về tố tụng:

- Tranh chấp giữa bà Ngô Thị T và chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Hữu Đ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

- Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Hữu Đ cư trú tại địa bàn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đến nay chưa thay đổi. Do vậy Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/7/2023 chị D đã chuyển khoản trả nợ cho bà T 2.000.000 đồng, do vậy xét thời hiệu khởi kiện của vụ án vẫn còn.

- Xét giấy biên nhận vay tiền lập ngày 09/4/2011:

Về tính hợp pháp của giấy vay:

Khi vay tiền, chị D có viết giấy vay ngày 09/4/2011 với nội dung *"Cháu Nguyễn Thị D vay của cô T, Đáp cầu số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng)..."*, cùng số tiền lãi suất chị hứa sẽ trả cho bà T là 37.000.000 đồng. Giấy vay có chữ ký của chị D và anh Đồng cho nội dung vay tiền của ngày 09/4/2011. Đến ngày 18/4/2011, các bên tiếp tục viết thêm phần nội dung xác nhận về việc chị D đã T toán đủ 637.000.000 đồng (Gồm 600.000.000 đồng tiền gốc và 37.000.000 đồng tiền lãi) và vay lại của bà T 300.000.000 đồng. Nội dung vay tiền của ngày 18/4/2011, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ sớm nhất là 01 tuần kể từ ngày vay tiền. Chị D và bà T đều xác nhận nội dung *"D là người vay chịu trách nhiệm hoàn toàn còn cháu Nguyễn Hữu Đ là người thừa kế trách nhiệm của D"*. Đối với nội dung vay tiền của ngày 18/4/2011, không có chữ kí xác nhận của anh Đồng.

Nội dung và hình thức của giấy vay đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy giao dịch dân sự hợp pháp và có hiệu lực pháp luật bắt buộc thi hành với tất cả các bên.

Về nội dung:

Trên giấy vay tiền lập ngày 09/4/2011, phần nội dung vay tiền của ngày 18/4/2011 do bà T tự tay viết và có chữ ký của chị D và 01 người làm chứng. Tại thời điểm ký kết giấy vay tiền, các bên không ở trong tình trạng không đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, do vậy giấy vay tiền đã thể hiện ý chí của chị D trong việc giao kết hợp đồng vay tài sản.

Theo nguyên đơn, sau khi kí giấy vay tiền, bà T đã trao đủ tiền vay cho phía bị đơn. Sau đó, bà T còn nhiều lần đồng ý gia hạn thêm thời hạn trả nợ nhưng cho đến

nay chị D vẫn không T toán đủ cho bà. Tại thời điểm kí thỏa thuận vay tiền, bà T xác nhận chị D là người đứng ra vay và bà T đã chủ động viết thêm nội dung về việc anh Đ thừa kế trách nhiệm trả nợ. Anh Đ có cùng chị D kí tên tại 01 Giấy Biên nhận lập ngày 19/7/2011 với nội dung xác nhận khoản tiền còn nợ bà T là 280.000.000 đồng. Tuy nhiên tại các Biên bản làm việc với Tòa án, chị D xác nhận đây là khoản vay do một mình chị đứng tên, và chị có trách nhiệm trả nợ cho bà T. Trên thực tế, các bên cũng xác nhận toàn bộ các lần trả nợ và những lần bà T đòi tiền đều là làm việc trực tiếp với chị D mà không làm việc với anh Đ. Tại phiên tòa, bà T cũng thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị chị D có trách nhiệm trả cho mình. Do vậy xét thấy cần ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn.

Sau khi vay tiền của bà T, cho tới thời điểm hiện tại dù đã nhiều lần được nguyên đơn đồng ý gia hạn trả nợ nhưng tới nay chị D chỉ trả được cho bà T tổng số tiền là 45.800.000 đồng. Như vậy chị Nguyễn Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thoả thuận trong giấy vay tiền. Bà T đã nhiều lần yêu cầu chị D thu xếp trả nợ nhưng vẫn không nhận được tiền. Nay bà T yêu cầu chị trả số tiền gốc còn lại và tiền lãi phát sinh, tổng tạm tính đến ngày 01/8/2024 là **270.667.260 đồng**. HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, chị Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả tiền cho bà Ngô Thị T.

Về lãi suất: Thời gian hai bên trả nợ nhau kéo dài tới hơn 10 năm. Trong khoảng thời gian này, chị D đã nhiều lần trả nợ cho bà T dưới các hình thức khác nhau. Những lần trả nợ đều được bà T ghi chép lại và chị D xác nhận là đầy đủ. Tính tới thời điểm trả nợ cuối cùng vào ngày 17/7/2023, các bên đồng ý xác nhận số nợ gốc còn lại là 154.200.000 đồng. Tại phiên toà, bà T giữ nguyên yêu cầu đề nghị tính lãi suất 10%/năm đối với khoản vay nói trên. Do xét thấy tình hình của vợ chồng chị D, anh Đồng thực sự khó khăn, bà T đồng ý không tính tiền lãi sau từng lần trả nợ mà chỉ tính lãi từ thời điểm ngày 01/01/2017 cho tới thời điểm hiện tại, trên số nợ gốc theo lần trả nợ cuối cùng – Tức 154.200.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của đương sự là tự nguyện, cần ghi nhận ý kiến.

Về lộ trình trả nợ: Bà T yêu cầu phía bị đơn phải trả tiền làm 01 lần là có căn cứ, cần được xem xét.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự. Do vậy cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc chị Nguyễn Thị D phải trả tiền cho bà Ngô Thị T.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T: Buộc chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T tổng số tiền là **270.667.260 đồng**, trong đó:

- Tiền nợ gốc: **154.200.000 đồng**

- Tiền lãi theo số nợ gốc 154.200.000 đồng, thời gian từ ngày 01/01/2017 tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 91 tháng (07 năm, 07 tháng) x 10%/năm (Tức 0,83%/tháng): **116.467.260 đồng**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 13.533.363 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Bùi Quang Hợi	**Nguyễn Thị Liên**	**Phạm Vũ Minh Trang**

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Vũ Minh Trang